

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tỉ lệ %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				Thời gian (phút)	
											Số CH			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	Hàm số lượng giác	2	3	1	3	1	4			4		10	30 60%
		Phương trình lượng giác cơ bản												
		Một số phương trình lượng giác thường gặp												
2	Tổ hợp – Xác suất	Quy tắc đếm.	5	7	1	3	1	3			7		13	
		Hoán vị; Chỉnh hợp; Tổ hợp.												
		Nhị thức Niu - ton												
		Phép thử và biến cố; Xác suất của biến cố												
3	Dãy số - Cấp số cộng và cấp số nhân	Phương pháp quy nạp; Dãy số	1	1	1	2					2		3	
		Cấp số cộng	3	3	1	2					4		5	
		Cấp số nhân	2	2	2	4					4		6	
4	Phép dời hình và	Phép biến hình, phép tịnh tiến	2	1	2	4					4		5	20 40%

	phép đồng dạng trong mặt phẳng	Phép đối xứng trục												
		Phép đối xứng tâm												
		Phép quay, khái niệm về phép dời hình và hai hình bằng nhau												
		Phép vị tự, phép đồng dạng												
5	Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song.	Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	2	3	2	4	1	3			5		10	
		Hai đường thẳng chéo nhau và hai đường thẳng song song	2	2	1	2					3		4	
		Đường thẳng và mặt phẳng song song	2	3	2	4	1	3			5		10	
		Hai mặt phẳng song song	1	1	2	5					3		6	
Tổng			25	30	20	44	5	16	0	0	50	0	90	100
Tỉ lệ (%)			50		40		10		0					
Tỉ lệ chung (%)			90				10							

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,2

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: TOÁN LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	1.1. Hàm số lượng giác; Phương trình lượng giác cơ bản; Một số phương trình lượng giác thường gặp.	Nhận biết: - Xác định được: Tập xác định; tập giá trị; tính chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kỳ; khoảng đồng biến, nghịch biến của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Nhận ra được đồ thị của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Biết công thức nghiệm của các phương trình lượng giác cơ bản $\sin x = m$, $\cos x = m$, $\tan x = m$ và $\cot x = m$. - Biết dạng phương trình bậc nhất, bậc hai đối với một hàm số lượng giác Thông hiểu: - Hiểu khái niệm hàm số lượng giác. - Vẽ được đồ thị các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Giải thành thạo phương trình lượng giác cơ bản. - Giải được phương trình bậc nhất và phương trình bậc hai đơn giản đối với một hàm số lượng giác Vận dụng: - Biết sử dụng máy bỏ túi để tìm nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản.	2	1	1	0	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Giải được phương trình bậc nhất và phương trình bậc hai đối với một hàm số lượng giác. - Giải được phương trình $a \sin x + b \cos x = c$.					
2	Tổ hợp - Xác suất	2.1. Quy tắc đếm; Hoán vị; Chỉnh hợp; Tổ hợp.	Nhận biết: - Biết được quy tắc cộng và quy tắc nhân, hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp Thông hiểu: - Tính được số các hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp chập k của n phần tử trong các bài toán đơn giản.	5	1	1	0	
		2.2. Nhị thức Niu - ton	Nhận biết: Biết được các tính chất cơ bản của khai triển nhị thức Niu-Tơn Thông hiểu: - Tìm được số hạng của x^k trong khai triển nhị thức $(ax + b)^n$ đơn giản. - Tìm được hệ số của x^k trong khai triển nhị thức $(ax + b)^n$ đơn giản	1	2	0	0	
		2.3. Phép thử và biến cố; Xác suất của biến cố	Nhận biết: - Phép thử ngẫu nhiên, không gian mẫu, biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên, biến cố hợp, biến cố giao, biến cố đối, biến cố xung khắc, hai biến cố độc lập, định nghĩa xác suất cổ điển - Biết được các tính chất: $P(\emptyset) = 0; P(\Omega) = 1; 0 \leq P(A) \leq 1,$ $P(\bar{A}) = 1 - P(A)$ Thông hiểu:	2	3	1	0	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Xác định được không gian mẫu, biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên, tính được xác suất của biến cố trong các tình huống đơn giản. Vận dụng: - Xác định được không gian mẫu, biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên và tính được xác suất của biến cố - Biết dùng máy tính bỏ túi hỗ trợ tính xác suất					
3	Dãy số - Cấp số cộng và cấp số nhân	3.1. Phương pháp quy nạp; Dây số	Nhận biết: - Biết được định nghĩa dãy số, cách cho dãy số, dãy số hữu hạn, vô hạn. - Biết tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số. Thông hiểu: - Chứng minh được tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số đơn giản.	1	1	0	0	
		3.2. Cấp số cộng	Nhận biết: - Biết được định nghĩa, tính chất cấp số cộng, số hạng tổng quát u_n, Thông hiểu: - Tính được tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng.	3	1	0	0	
		3.3. Cấp số nhân	Nhận biết: - Biết được khái niệm cấp số nhân, tính chất $u_k^2 = u_{k-1} \cdot u_{k+1}$ với $k \geq 2$, số hạng tổng quát u_n, tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng	2	2	0	0	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Thông hiểu: - Tìm được các yếu tố còn lại khi cho biết 3 trong 5 yếu tố u_1, u_n, n, q, S_n trong các tình huống đơn giản.					
4	Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng	4.1. Phép biến hình, phép tịnh tiến; Phép quay, khái niệm về phép dời hình và hai hình bằng nhau; Phép vị tự, phép đồng dạng.	Nhận biết: - Nhận ra biểu thức tọa độ của phép tịnh - Biết được định nghĩa và các tính chất của phép quay. - Nhớ được định nghĩa, các tính chất phép vị tự và phép đồng dạng. Thông hiểu: - Xác định được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác,... qua phép đối xứng, tịnh tiến.	2	2	0	0	
5	Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song.	5.1. Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Nhận biết: - Biết được các tính chất được thừa nhận +/ Có một và chỉ một mặt phẳng đi qua ba điểm không thẳng hàng cho trước +/ Nếu một đường thẳng có hai điểm phân biệt thuộc một mặt phẳng thì mọi điểm của đường thẳng đều thuộc mặt phẳng đó +/ Có bốn điểm không cùng thuộc một mặt phẳng +/ Nếu hai mặt phẳng phân biệt có một điểm chung thì chúng có một điểm chung khác +/ Trên mỗi mặt phẳng, các kết quả đã biết trong hình học phẳng đều đúng. - Biết được cách xác định mặt phẳng (qua ba điểm không thẳng hàng; qua một	2	2	1	0	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			đường thẳng và một điểm không thuộc đường thẳng đó; qua hai đường thẳng cắt nhau). - Biết được khái niệm hình chóp, hình tứ diện. - Xác định được đỉnh, cạnh bên, cạnh đáy, mặt bên, mặt đáy của hình chóp. Thông hiểu-Vận dụng: Xác định được giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng trong các bài toán đơn giản. Biết sử dụng giao tuyến của hai mặt phẳng để nhận ra ba điểm thẳng hàng trong không gian trong các bài toán đơn giản. - Vẽ được hình biểu diễn của một số hình không gian thường gặp.					
		5.2. Hai đường thẳng chéo nhau và hai đường thẳng song song	Nhận biết: - Biết khái niệm hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau trong không gian. - Biết (không chứng minh) định lý: “Nếu hai mặt phẳng phân biệt lần lượt chứa hai đường thẳng song song mà cắt nhau thì giao tuyến của chúng song song (hoặc trùng) với một trong hai đường đó”. Thông hiểu: - Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng trong tình huống đơn giản - Biết cách chứng minh hai đường thẳng song song trong tình huống đơn giản.	2	1	0	0	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Biết áp dụng định lý trên để xác định giao tuyến hai mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản.					
		5.3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	Nhận biết: - Biết khái niệm và điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng - Biết (không chính minh) định lý: “Nếu đường thẳng a song song với mặt phẳng (P) thì mọi mặt phẳng (Q) chứa a và cắt (P) thì cắt theo giao tuyến song song với a ”. Thông hiểu: - Xác định được vị trí tương đối giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết cách vẽ hình biểu diễn một đường thẳng song song với một mặt phẳng; chứng minh một đường thẳng song song với một mặt phẳng - Biết dựa vào các định lý trên để xác định giao tuyến của hai mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản. Vận dụng: - Xác định được vị trí tương đối giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Chứng minh một đường thẳng song song với một mặt phẳng - Xác định giao tuyến của hai mặt phẳng, Giao điểm của đường thẳng với mặt phẳng.	2	2	1	0	
		5.4. Hai mặt phẳng song song	Nhận biết: - Biết khái niệm và các tính chất của hai mặt phẳng song song. - Biết khái niệm và các tính chất của hình lăng trụ, hình hộp, hình chóp cụt	1	2	0	0	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Nhận ra được hình biểu diễn của hình hộp, hình lăng trụ, hình chóp có đáy là tam giác, tứ giác - Nhận ra được hình biểu diễn của hình hộp cắt với đáy là tam giác, tứ giác. Thông hiểu: - Chỉ ra được hai mặt phẳng song song trong các trường hợp đơn giản - Hiểu được Định lý Ta-let trong không gian.					
Tổng				25	20	5	0	50